

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Hoài Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neáng R, sinh năm 1995, cư trú: tổ 01, ấp Tr A, xã L T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Dương M, sinh năm 1990, cư trú: tổ 01, ấp Tr A, xã L T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Châu Sông, Phó ban ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 5 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Neáng R trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Dương M tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L T theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2015, ngày 03 tháng 12 năm 2015. Cưới xong

chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, gay gắt nhất là vào năm 2019 do anh Dương M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Neáng R yêu cầu được ly hôn với ông Dương M.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thùy Sa M, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2016. Hiện tại do bà Neáng R nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông Dương M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Dương M đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Neáng R và ông Dương M có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà Neáng R và ông Dương M thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn sống chung từ năm 2019, từ khi ly thân đến nay vợ chồng chưa gặp lại nhau, không tạo điều kiện để hàn gắn tại tình chồng vợ. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng R đối với ông Dương M.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thùy Sa M, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2016, hiện nay do bà Neáng R đang nuôi dưỡng. xét thấy, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu cần tiếp tục giao con chung cho bà Neáng R nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà Neáng R không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, ông Dương M vắng mặt. Nguyên đơn bà Neáng R vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Dương M đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vãn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương M.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Dương M có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp Tr A, xã L T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Neáng R và ông Dương M tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L T vào ngày 03 tháng 12 năm 2015 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, giữa bà Neáng R và ông Dương M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, theo kết quả xác minh ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại ấp Tr A, xã L T xác định “...*Từ năm 2019 đến nay chỉ thấy bà Neáng R trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không thấy ông Dương M*”. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa bà Neáng R và ông Dương M rất gay gắt, hai người đã bỏ mặt không còn quan tâm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng R là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thùy Sa M, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2016. Xét về yêu cầu được nuôi con thấy rằng, từ sau khi ly thân đến nay con chung do bà Neáng R nuôi dưỡng, bà R vẫn đảm bảo việc nuôi con làm tròn trách nhiệm người mẹ. Do đó, cần giao con chung cho bà Neáng R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Neáng R không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Neáng R khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Dương M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng R đối với ông Dương M bà Neáng R. Bà Neáng R được ly hôn với ông Dương M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2015 ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã L T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Dương Thùy Sa M, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2016 cho bà Neáng R nuôi dưỡng. Ông Dương M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng R cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Dương M quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neáng R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000221 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Neáng R đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã L T;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng